TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày: 16 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Ông Trần Văn Sơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Ni, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2019/HSST ngày 22/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HS ngày 04/9/2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn K, sinh năm 1993; nơi sinh: Kiên Giang.

Nơi cư trú: tổ 7, khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: tổ 7, khu phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Kh và bà Bùi Thị K (đã chết); có 01 con; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 35/QĐ-XPVPHC ngày 06/6/2017 của Công an phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang-phạt tiền 750.000 đồng, chưa nộp phạt; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/5/2019 và tạm giam từ ngày 26/5/2019 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Khánh-Trợ giúp viên pháp lý-Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hà Vũ L (tên gọi khác: S), sinh năm 1986; nơi cư trú: khu phố 1, phường B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

2. Anh Lê Kim T sinh năm 1974; nơi cư trú: số 27/36/2 Ngô Quyền, khu phố H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

+ Người làm chứng: Anh Hồ Văn S, sinh năm 1967; nơi cư trú: Hẻm 279, Phương Thành, khu phố B, phường B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Văn K khai nhận: Vào khoảng 11giờ 30 phút ngày 17/5/2019 bị cáo nhận được cuộc gọi từ một người tên T nhờ đến khu vực Tháp Bảy Tầng để nhận hộp đồ; bị cáo đồng ý. Bị cáo đang sử dụng chiếc xe biển kiểm soát 68T8-4601của anh Hà Vũ L đi đến khu vực nói trên. Khi gặp người thanh niên khoảng 24 tuổi đang đứng đợi ven đường; người này chỉ chổ cho bị cáo lấy một hộp giấy màu trắng bên trong hộp có chứa ma túy; lấy xong bị cáo đặt để trên võng xe và điều khiển xe chạy ra hướng đầu hẻm 279 Phương Thành, thuộc khu phố B, phường B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang về nhà nhằm mục đích giao lại cho T. Khi gần tới đầu hẻm 279 thì bị lực lượng Công an thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang kiểm tra phát hiện trong hộp có một bịch ny lon và bị cáo thừa nhận đó là ma túy đá, nên Công an mời về trụ sở Công an phường B làm việc; lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật.

Tại bản giám định số 346/KL- KTHS ngày 23/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận:

Các hạt tinh thể màu trắng chứa trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 5,5445 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 5,4993 gam và bao gói đựng mẫu được niêm phong.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về kết luận giám định chất ma túy của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang.

Về vật chứng vụ án thu giữ:

01. 01 (một) bịch nylon kích thước (7 x 5) cm, dạng có rãnh gài bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng là ma túy đá.

02. 01(một) hộp giấy màu trắng kích thước, hình dạng không xác định.

03. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 355105074003649 đã qua sử dụng.

04. 01(một) xe máy nhãn hiệu PLAZIX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 68T8-4601, số máy 2FMH-V801354; số khung HLMN6H001354 (đã qua sử dụng).

Vật chứng mục 01, 02 và 03 hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng - Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Vật chứng mục 04 đã trả lại cho người quản lý tài sản là anh Hà Vũ L.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKSHT ngày 21/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; Truy tố bị cáo Phạm Văn K về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tiếp tục giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Kiệt mức án từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bịch nylon kích thước (7 x 5) cm, dạng có rãnh gài bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng là ma túy đá và 01(một) hộp giấy màu trắng kích thước, hình dạng không xác định.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 355105074003649 đã qua sử dụng.

- Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 676 ngày 07/6/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, về việc trả lại vật chứng cho người quản lý tài sản là anh Hà Vũ L; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo do thuộc hộ nghèo.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự thì theo quan điểm của người bào chữa là có đến 02 tình tiết giảm nhẹ; đó là tình tiết thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo

dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Ngoài ra, chính sách pháp luật của Nhà nước ta là nhân đạo; Tòa án có thể coi tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ. Như bản thân và gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ nghèo và các tình tiết khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo hưởng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Văn K: không có bổ sung ý kiến tranh luận.

Ý kiến đối đáp của đại diện Viện kiểm sát: Theo điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự quy định 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải là đúng. Quan điểm của Viện kiểm sát chỉ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết thành khẩn khai báo; còn việc bị cáo ăn năn hối cải là chưa có biểu hiện rõ ràng, nên không đề nghị áp dụng cho bị cáo. Việc áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hà Vũ L và anh Lê Kim T: không có mặt, nên không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Phạm Văn K có lời nói sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ vì bị cáo đã biết tội lỗi và cam kết không còn phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra - Công an thành phố Hà Tiên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Phạm Văn K hoàn toàn nhận thức được hành vi cất giấu ma túy đá trên võng xe để đưa về nhà nhằm mục đích giao lại cho tên T, để tên T cho bị cáo sử dụng một phần là vi phạm pháp luật; phù hợp với kết luận giám định chất ma túy, tên loại Methamphetamine, có khối lượng là 5,5445 gam; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung tại Cơ quan Điều tra (Bút lục số 01, 02, 34, 64, 65, 80 và 81).

Theo Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán,

vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

…

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

…

g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

Như vậy, bị cáo Phạm Văn K có hành vi cố ý dùng phương tiện xe máy để cất giữ ma túy, tên loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,5574 gam rồi đưa về nhà nhằm mục đích để được sử dụng là đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Văn K hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình; phù hợp với vật chứng và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Theo Kiểm sát viên luận tội và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 để kết tội và xử lý các vấn đề có liên quan đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng chính sách pháp luật.

[4] Xét về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo Phạm Văn K vi phạm tình tiết định khung hình phạt nên phải xét xử bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã 04 lần nhận tàng trữ trái phép chất ma túy do tên T yêu cầu, nhằm mục đích để tên T cho bị cáo sử dụng ma túy. Qua những lần sử dụng ma túy đó; bị cáo bị Công an phường Đ, thành phố P phát hiện xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng, đến nay chưa nộp phạt. Bị cáo K không từ bỏ mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội và bị bắt quả tang. Hành vi, việc làm của bị cáo nói trên chứng tỏ là chưa ăn năn hối cải, nên trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và không áp dụng khoản 1 Điều 54

Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là hoàn toàn có căn cứ; không chấp nhận quan điểm của người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là ăn năn hối cải. Xét đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là hoàn toàn không có căn cứ, vì Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không có quy định các trường hợp mà người bào chữa cho bị cáo đã nêu và đề nghị.

Xét về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; gây mất an ninh trật tự tại địa phương; làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân và kinh tế gia đình. Cho nên cần xử phạt bị cáo thật nghiêm minh để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với các tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do vậy, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử phạt tù đối với bị cáo K theo mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội; khi mãn hạn tù trở về không còn phạm tội.

[6] Xét về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng…"; do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định; gia đình thuộc hộ nghèo, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với người tên T, do không biết họ tên và nơi cư trú rõ ràng, nên không thể triệu tập để xử lý theo pháp luật. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an thành phố Hà Tiên tiếp tục theo dõi, khi nào phát hiện sẽ xử lý sau.

[8] Về vật chứng trong vụ án:

- Vật chứng là 01 (Một) bịch nylon kích thước (7 x 5) cm, dạng có rãnh gài bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng là ma túy đá tên loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 5,5445 gam; mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 5,4993 gam. Đây là những vật cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy.

- Vật chứng là 01(một) hộp giấy màu trắng kích thước, hình dạng không xác định, do không có giá trị, nên tịch thu tiêu hủy.

- Vật chứng là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 355105074003649 đã qua sử dụng, do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Cần ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 676 ngày 07/6/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, về việc trả lại cho anh Hà Vũ L; là người quản lý 01 xe máy hiệu PlAZIX.

[9] Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn K phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt Phạm Văn K 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 17/5/2019).

2. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm:

+ 01 (Một) bịch nylon kích thước (7 x 5) cm, dạng có rãnh gài bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng là ma túy đá tên loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 5,5445 gam; mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 5,4993 gam và bao gói đựng mẫu được niêm phong trong 01 (một) phong bì có ký hiệu vụ số 346, có chữ ký của giám định viên Thái Thị Thanh Thủy và người chứng kiến niêm phong Nguyễn Ngọc Quý.

+ 01(một) hộp giấy màu trắng kích thước, hình dạng không xác định.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 355105074003649 đã qua sử dụng.

Các vật chứng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng - Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Ghi nhận Quyết định số 676/QĐ-CQĐT ngày 07/6/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, về việc trả lại cho người quản lý tài sản là anh Hà Vũ L xe máy nhãn hiệu PLAZIX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 68T8-4601, số máy 2FMH-V801354; số khung HLMN6H001354 (đã qua sử dụng-đứng tên Lê Kim T).

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn K.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi liên quan là anh Hà Vũ L và anh Lê Kim T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang (Phòng HS);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.Hà Tiên;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân